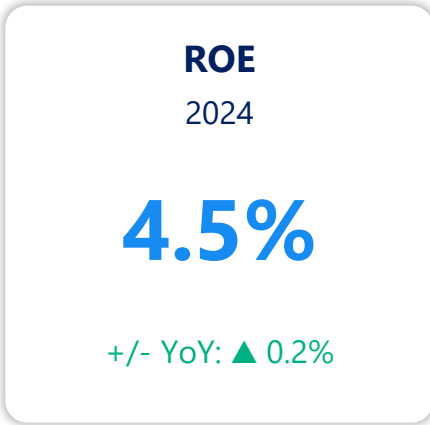
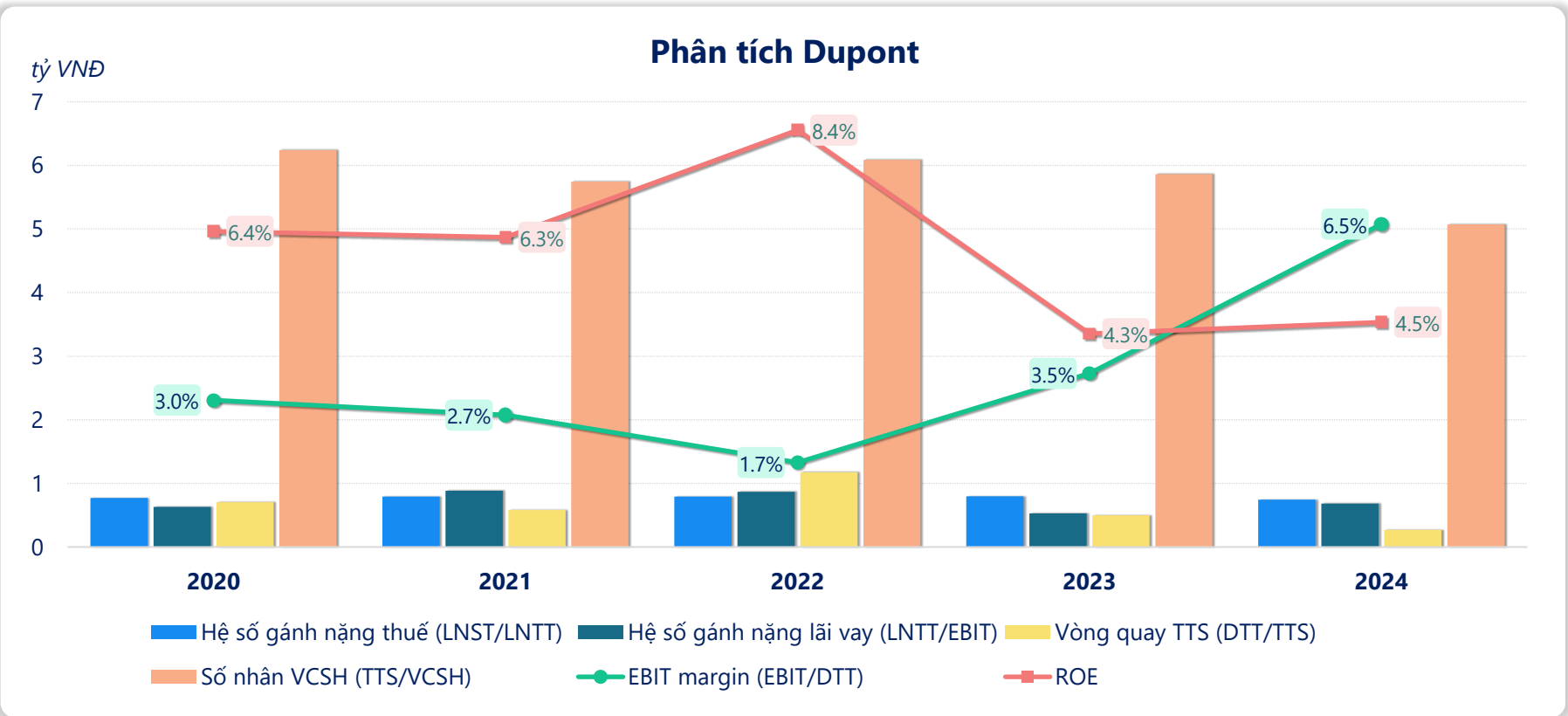
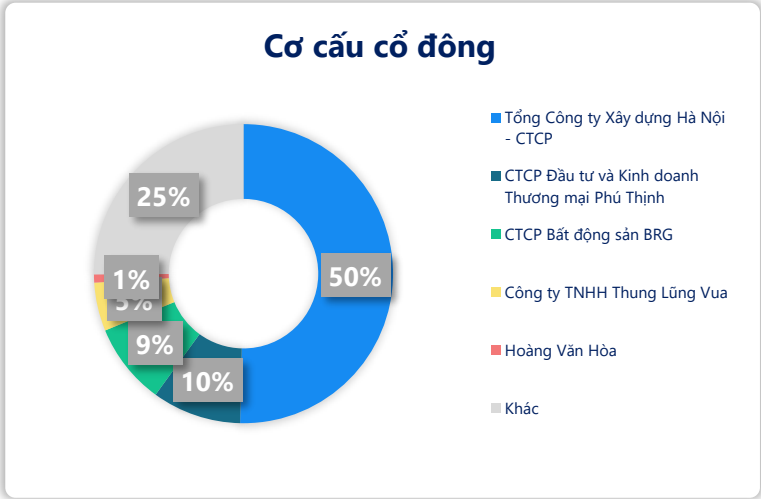


CTCP Xây dựng số 1 Hà Nội (UPCOM: HC1)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

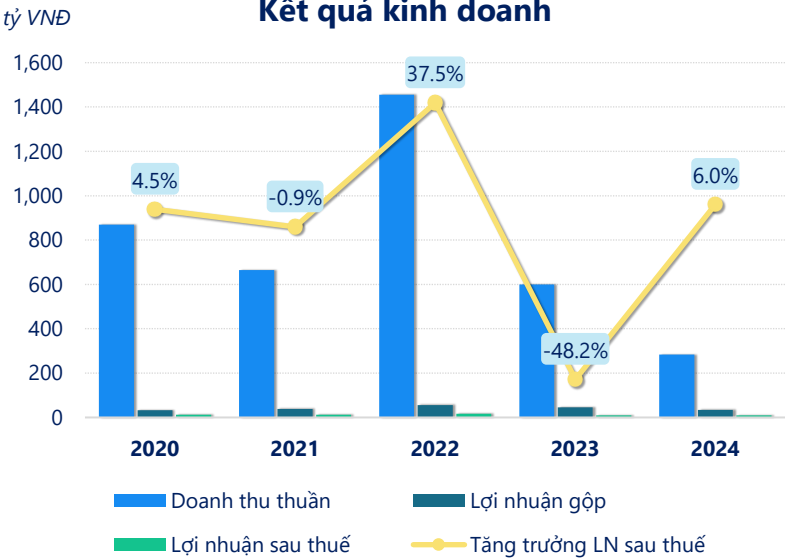
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,700
Sàn giao dịch		UPCOM
Khoảng giá 52 tuần		6,488 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		94
Số lượng CPLH (CP)		8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		485
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		0.51
EPS		
P/E		

	YTD	1T	3T	6T
HC1		8.3%	19.4%	80.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



CTCP Xây dựng số 1 Hà Nội (UPCOM: HC1)

Kết quả kinh doanh

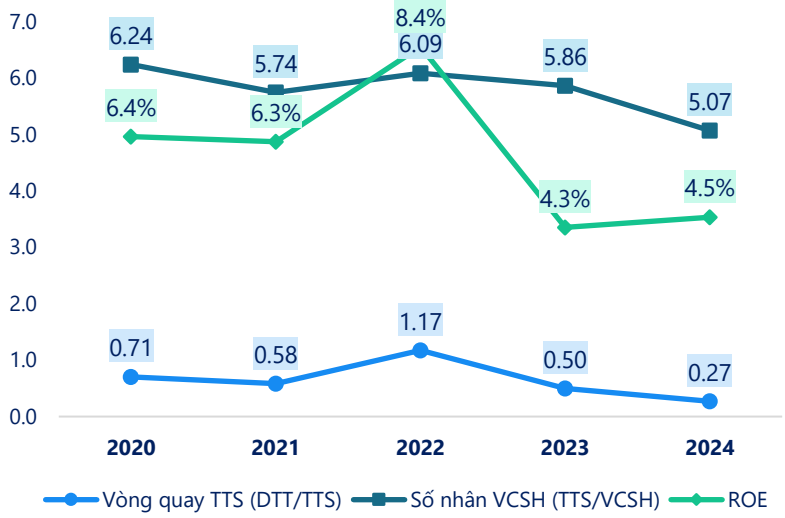


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **6.53%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.75**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.68**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

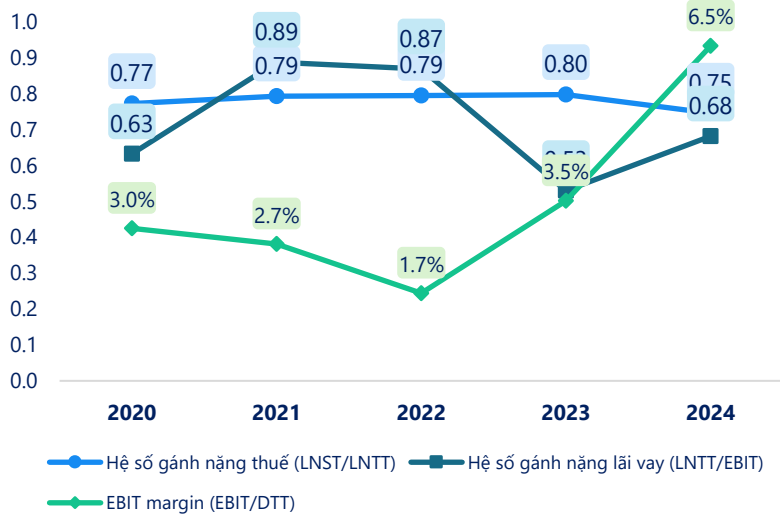
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2024**, **HC1** ghi nhận doanh thu thuần **284.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **9.43** tỷ đồng, lần lượt **giảm 52.6%** và **tăng 6.05%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

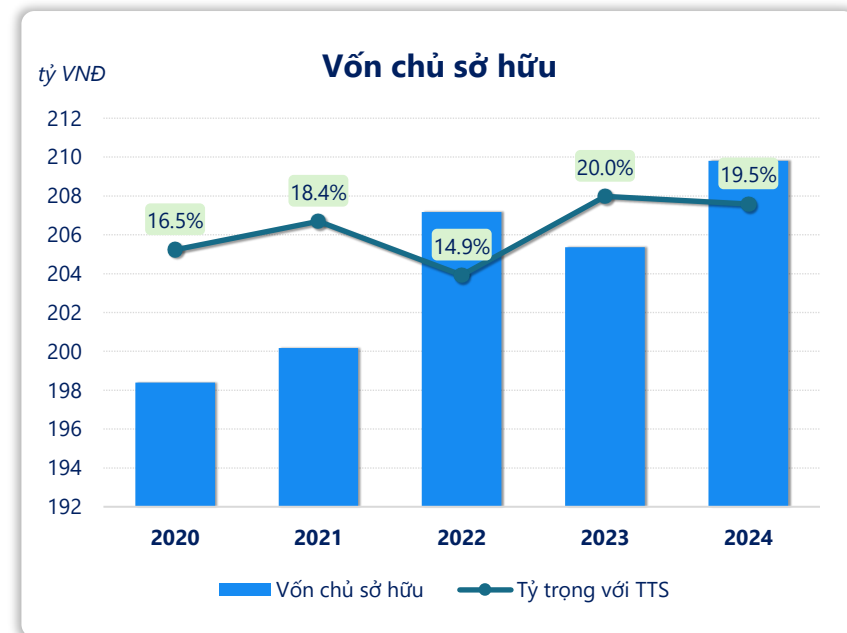
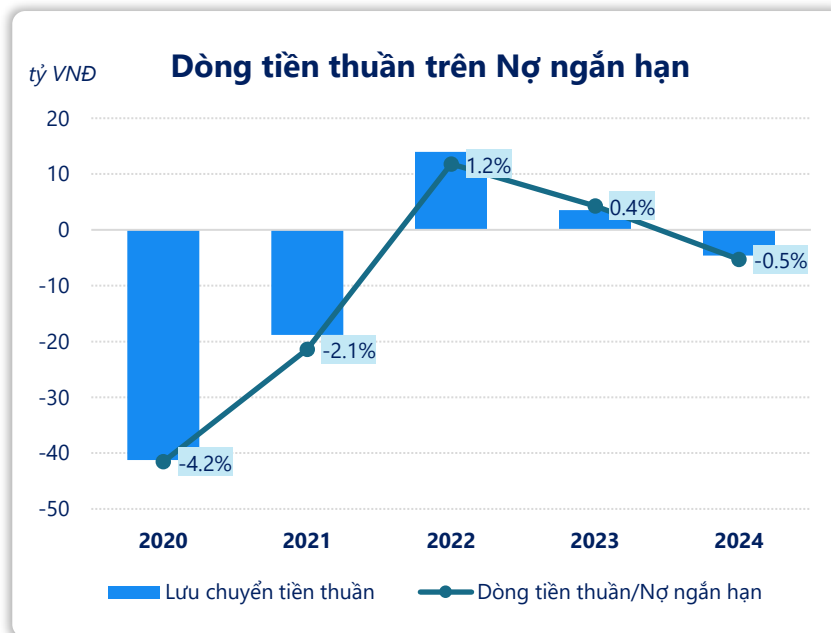
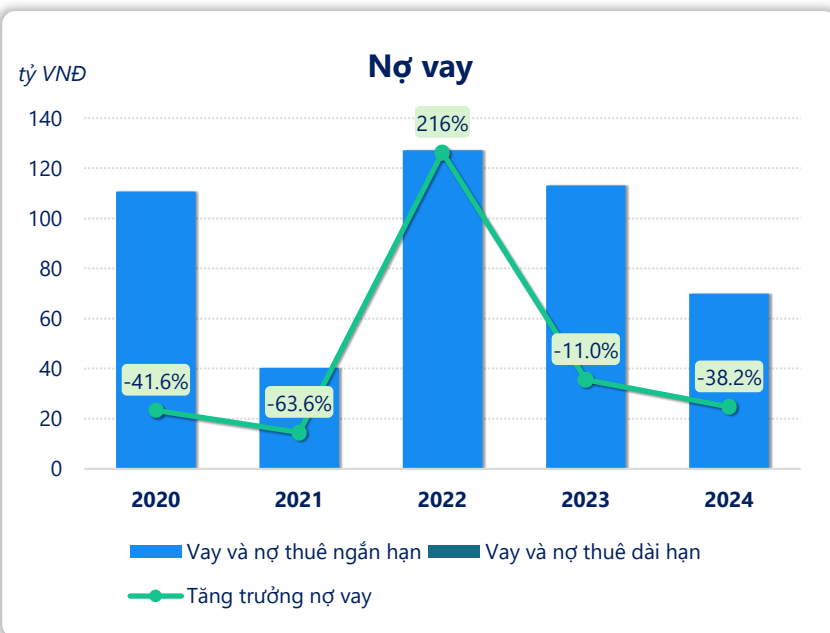
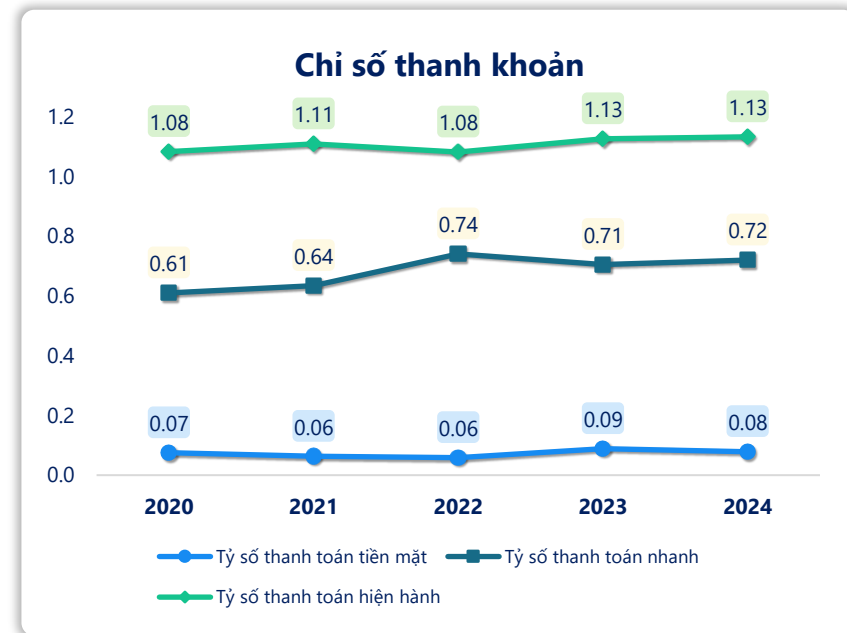
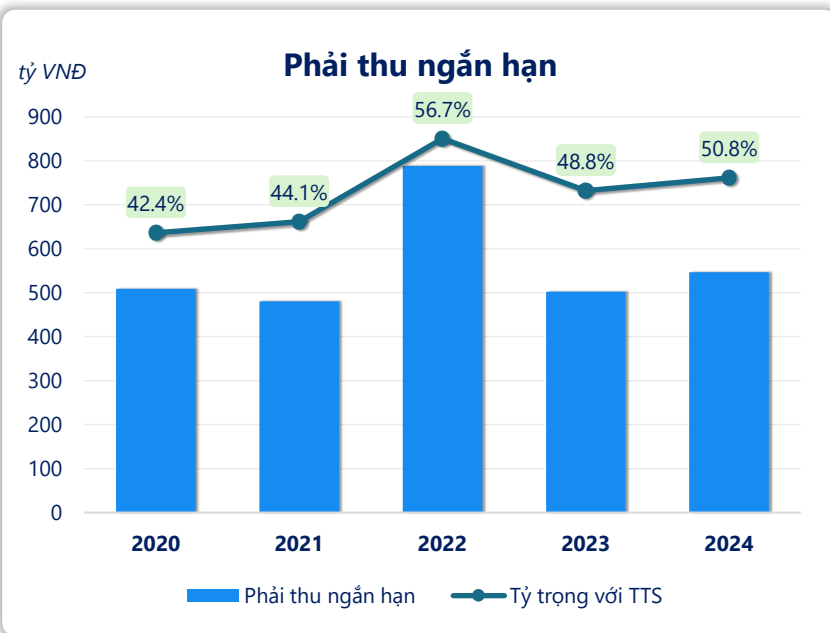


Vòng quay tổng tài sản đạt **0.27**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **5.07** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Xây dựng số 1 Hà Nội (UPCOM: HC1)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,077	1,028	4.7%
Tài sản ngắn hạn	982	927	6.0%
Tiền và tương đương tiền	68.4	73.0	-6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.80	-100%
Phải thu ngắn hạn	547	502	8.9%
Hàng tồn kho	358	346	3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	9.81	2.88	241%
Tài sản dài hạn	94.3	101	-6.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.26	2.29	-45.0%
Bất động sản đầu tư	63.9	66.4	-3.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	28.8	28.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.39	3.59	-89.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	867	823	5.4%
Nợ ngắn hạn	867	823	5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.0	113	-38.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	467	480	-2.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	210	205	2.2%
Vốn chủ sở hữu	210	205	2.2%
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	869	665	1,456	600	284
Giá vốn hàng bán	837	627	1,400	555	250
Lợi nhuận gộp	32.4	38.0	56.2	45.1	34.1
Doanh thu HĐTC	0.52	0.60	0.72	1.43	0.84
Chi phí TC	9.50	2.00	3.27	9.91	5.91
Chi phí lãi vay	9.50	2.00	3.27	9.91	5.91
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.38	0	0.21	0	0
Chi phí QLDN	12.8	30.8	32.5	26.0	18.6
LN thuần từ HĐKD	9.21	5.74	20.9	10.7	10.4
Lợi nhuận khác	7.11	10.0	0.69	0.51	2.28
LN trước thuế	16.3	15.7	21.6	11.2	12.7
Lợi nhuận sau thuế	12.6	12.5	17.2	8.89	9.43
LNST của CĐ cty mẹ	12.6	12.5	17.2	8.89	9.43

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.5	50.8	-62.0	13.0	42.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.83	8.74	-3.01	12.5	3.64
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.6	-78.4	79.0	-22.0	-51.1
Tiền đầu kỳ	116	74.3	55.5	69.4	73.0
Lưu chuyển tiền thuần	-41.2	-18.9	14.0	3.53	-4.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.3	55.5	69.4	73.0	68.4